

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 656/2022/DS-PT
Ngày: 08/11/2022
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Trúc

Các Thẩm phán: Bà Châu Kim Anh
Ông Bùi Liên Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Chu Minh Sang
Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:
Ông Lê Huỳnh Thiện – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 328/2022/TLPT-DS ngày 04 tháng 10 năm 2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 2679/2022/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5230/2022/QĐ-PT ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đoàn Văn Đ, sinh năm 1968, có mặt.
Địa chỉ: A L, Khu phố D, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: A T, Khu phố B, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn:

- 2.1. Bà Lê Bạch T, sinh năm 1968, có đơn xin vắng mặt.
- 2.2. Ông Nguyễn Hoàng T1, sinh năm 1991, có đơn xin vắng mặt.
- 2.3. Bà Nguyễn Thị Thanh T2, sinh năm 1997, có đơn xin vắng mặt.
- 2.4. Ông Nguyễn Hoàng T3, sinh năm 1998, có mặt.

Cùng địa chỉ: E K, Tổ C, Khu phố F, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn: Ông Tô Duy A, sinh năm 1983, có mặt.

Địa chỉ liên lạc: 106/3/12 Đường số B, Tổ D, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- 3.1. Bà Hoàng Thị Tuyết H, sinh năm 1984, có mặt.

Địa chỉ: G L, Khu phố D, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- 3.2. Bà Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1966, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: A T, Khu phố B, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Hoàng T1 - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/02/2022, các ý kiến tại bản tự khai, biên bản phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Đoàn Văn Đ trình bày:

Ngày 28/8/2018, ông Đ có cho bà Lê Bạch T, ông Nguyễn Hoàng T1, bà Nguyễn Thị Thanh T2 và ông Nguyễn Hoàng T3 vay số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng). Hai bên có thỏa thuận lãi suất cho vay là 3%/tháng; thời hạn vay từ ngày 28/8/2018 đến ngày 28/8/2020; lãi trả hàng tháng một lần, vốn trả dần hoặc hoặc một lần khi đáo hạn. Từ ngày cho vay tiền đến nay, ông Đ chưa nhận được bất kỳ một khoản tiền lãi hay khoản tiền gốc nào từ bên vay. Ông Đ đã rất nhiều lần yêu cầu bên vay trả tiền nhưng không được. Ông không nhận được tiền thanh toán từ bà H và cũng không ủy quyền cho bà H được quyền thu tiền gốc, tiền lãi từ bên vay.

Nay ông Đ khởi kiện yêu cầu các bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc từ ngày 28/8/2018 cho đến ngày xét xử với mức lãi suất 20%/năm là 118.416.667 đồng. Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán là 268.416.667 đồng (hai trăm sáu mươi tám triệu bốn trăm mười sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

Tại bản tự khai và các ý kiến trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn bà Lê Bạch T, ông Nguyễn Hoàng T1, bà Nguyễn Thị Thanh T2 và ông Nguyễn Hoàng T3 đều thống nhất trình bày:

Các bị đơn xác nhận vào ngày 28/8/2018, bị đơn có ký với ông Đoàn Văn Đ giấy vay tiền như nguyên đơn trình bày. Theo thỏa thuận, ông Đ cho bị đơn vay số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng); thời hạn vay từ ngày 28/8/2018 đến ngày 28/12/2020; lãi suất cho vay 3%/tháng. Việc đóng tiền lãi bị đơn thực hiện vào ngày 05 hàng tháng. Thực hiện hợp đồng vay, bị đơn đã đóng tiền lãi và gốc đầy đủ cho ông Đ, cụ thể: Ngày 24/8/2019, bị đơn đã trả được số tiền nợ gốc 80.000.000 đồng, còn nợ 70.000.000 đồng. Ngày 30/8/2019, bị đơn trả 50.000.000 đồng tiền nợ gốc, còn nợ 20.000.000 đồng. Sau đó, bị đơn đã trả tiếp cho nguyên đơn 5.000.000 đồng tiền nợ gốc nhưng không nhớ rõ ngày trả, còn nợ 15.000.000 đồng. Ngày 13/10/2021, bị đơn trả số tiền nợ gốc 15.000.000 đồng và xin được miễn số tiền nợ lãi 05 tháng, tương đương số tiền 1.950.000 đồng do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19. Toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi mà bị đơn trả cho ông Đ đều thông qua người thu hộ là bà Hoàng Thị Tuyết H. Do đã trả được hết nợ cho nguyên đơn nên bị đơn không đồng ý phải tiếp tục trả tiền theo yêu cầu khởi kiện nguyên đơn.

Tại bản tự khai và các ý kiến trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Tuyết H trình bày:

Bà H xác nhận toàn bộ số tiền vay 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi, bị đơn đã thanh toán đầy đủ cho ông Đoàn Văn Đ thông qua bà. Hiện bị đơn không còn nợ ông Đ nữa. Sau khi nhận tiền từ bị đơn, bà đã giao ngay cho ông Đ. Việc giao, nhận tiền đều có ký nhận đầy đủ giữa bà và ông Đ. Tuy nhiên, do bà bị mất xe máy nên toàn bộ giấy tờ để trong cốp xe đã bị mất nên bà H không thể cung cấp chứng cứ trên cho Tòa án được.

Tại văn bản đề ngày 17/6/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng P trình bày: Bà Phước là vợ ông Đoàn Văn Đ. Khoản tiền mà ông Đ cho bị đơn vay là tiền riêng của chồng bà. Khoản tiền này do ông Đ tự tạo l, bà không có đóng góp gì. Vì vậy, ông Đ được toàn quyền quyết định đối với tài sản trên, bà không có ý kiến.

Bị đơn không có yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 2679/2022/DS-ST ngày 18/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Văn Đ: Buộc bà Lê Bạch T, ông Nguyễn Hoàng T1, bà Nguyễn Thị Thanh T2 và ông Nguyễn Hoàng T3 phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đoàn Văn Đ tổng số tiền nợ là 268.416.667 đồng, trong đó nợ gốc 150.000.000 đồng, nợ lãi 118.416.667 đồng.

Kể từ khi ông Đoàn Văn Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Lê Bạch T, ông Nguyễn Hoàng T1, bà Nguyễn Thị Thanh T2 và ông Nguyễn Hoàng T3 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì phải trả lãi

đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ của đương sự trong giai đoạn thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/7/2022, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tổng đạt hợp lệ bản án sơ thẩm cho các bị đơn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Ngày 09/8/2022, bị đơn ông Nguyễn Hoàng T1 nộp đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 2679/2022/DS-ST ngày 18/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án nêu trên, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

C đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Nguyên đơn ông Đoàn Văn Đ không rút yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm buộc bị đơn trả 150.000.000 đồng tiền vốn gốc; đối với yêu cầu trả tiền lãi suất: Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi suất với số tiền 118.416.667 đồng là chưa chính xác nên nguyên đơn xác định yêu cầu bị đơn trả tiền lãi từ ngày 28/8/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 20%/năm là 116.666.667 đồng. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả ngay một lần tiền vốn gốc và lãi suất khi bản án có hiệu lực pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng T1 do ông Tô Duy A đại diện theo ủy quyền đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Tuyết H xác nhận bà đã nhận đủ tiền vốn gốc 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi bị đơn đã trả cho nguyên đơn. Tuy nhiên, bà H không nhớ chính xác bà đã nhận của bị đơn bao nhiêu tiền lãi. Bà H đã thay mặt bị đơn trả đủ tiền vốn gốc, lãi suất cho nguyên đơn nhưng nguyên đơn không thừa nhận. Nay, bà H tự nguyện trả lại một lần cho bị đơn số tiền vốn gốc 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) mà bà đã nhận khi bản án có hiệu lực pháp luật, để bị đơn trả tiền cho nguyên đơn. Bà H không đồng ý trả lại số tiền lãi đã nhận cho bị đơn trong vụ án này.

Bị đơn bà Lê Bạch T, ông Nguyễn Hoàng T1, bà Nguyễn Thị Thanh T2, ông Nguyễn Hoàng T3 do ông Tô Duy A đại diện theo ủy quyền đồng ý nhận lại số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) vốn gốc mà bà Hoàng Thị Tuyết H đã nhận của bị đơn khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bị đơn không yêu cầu bà H trả lại số tiền lãi đã nhận của bị đơn trong vụ án này.

Kiểm sát viên – Viện kiểm sát nhân dân Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại các Điều 48, 286, 290, 292, 294 của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử phúc thẩm theo quy định tại các Điều 51, 64, 294, 297, 298, 301, 303, 304, 305 của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm, có cơ sở xác định Tòa án cấp sơ thẩm buộc bên vay phải thanh toán cho ông Đoàn Văn Đ số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh trên nợ gốc từ ngày 28/8/2018 đến ngày xét xử với mức lãi suất 20%/năm là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm có sai sót trong việc tính tiền lãi, sai về án phí sơ thẩm nên căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hoàng T1, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 2679/2022/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh về tiền lãi suất và án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc chấp hành pháp luật tố tụng và nội dung của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hoàng T1 thực hiện trong thời hạn luật định nên được cấp phúc thẩm chấp nhận.

[1.2] Việc xác định thẩm quyền, quan hệ tranh chấp vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[1.3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng P có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Phước theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hoàng T1.

[2.1] Căn cứ Giấy vay tiền ngày 28/8/2018 có cơ sở xác định nguyên đơn đã cho bị đơn vay số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 28/8/2018 đến ngày 28/8/2020; lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, trả hàng tháng; nợ gốc trả dần hoặc thanh toán cuối kỳ. Văn bản này được xem là giao dịch dân sự và đảm bảo các điều kiện có hiệu lực theo quy định tại các Điều 116, 117, 119 và Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Nguyên đơn và bị đơn xác nhận có quan hệ vay tài sản như trên. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng P có quan hệ hôn nhân với nguyên đơn, xác định khoản tiền mà nguyên đơn cho bị đơn vay là do nguyên đơn tự tạo lập, bà không có đóng góp gì, nguyên đơn được toàn quyền quyết định đối với tài sản trên. Do đó, bị đơn phải có nghĩa vụ trả tiền vay trực tiếp cho cá nhân nguyên đơn. Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: “... *khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*”. Hội đồng xét xử xét thấy: Giấy vay tiền ngày 28/8/2018 bị đơn vay tiền của nguyên đơn. Hai bên không thỏa thuận bị đơn sẽ trả tiền vốn vay và lãi suất cho người khác. Theo người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng bị đơn đã thanh toán hết cho nguyên đơn toàn bộ tiền vốn gốc và lãi suất nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã giao tiền cho ông Đ. Việc bị đơn trả tiền cho ông Đ thông qua bà Hoàng Thị Tuyết H nhưng không được ông Đ thừa nhận, không có văn bản nào của ông Đ về việc ủy quyền cho bà H được thu tiền vay của bị đơn nên không có cơ sở để cho rằng bị đơn đã thanh toán tiền gốc và lãi cho bên cho vay tài sản. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả tiền vốn vay và lãi suất cho nguyên đơn là có cơ sở.

[2.3] Về yêu cầu trả nợ gốc của nguyên đơn: Do thời hạn vay theo thỏa thuận giữa hai bên đã hết kể từ ngày 28/8/2020 nên phát sinh nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ nên cấp phúc thẩm giữ nguyên.

[2.4] Về yêu cầu trả tiền lãi: Theo giấy vay tiền ngày 28/8/2018, lãi suất các bên thỏa thuận 3%/tháng là cao hơn mức quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do phần lãi suất vượt quá không có hiệu lực nên nguyên đơn đã yêu cầu bị đơn trả lãi phát sinh trên số nợ gốc 150.000.000 đồng từ ngày

cho vay đến ngày 18/7/2022 với mức lãi suất 20%/năm là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn đề nghị xem xét tính lại tiền lãi bị đơn phải trả từ ngày 28/8/2018 đến ngày 18/7/2022 với số tiền $(150.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{tháng}) \times 46 \text{ tháng} \times 20 \text{ ngày} = 116.666.667 \text{ đồng}$ (một trăm mười sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng) là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn liên đới trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật số tiền vốn vay và lãi suất 266.666.667 đồng (hai trăm sáu mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng) là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.6] Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Tuyết H tự nguyện trả lại cho bị đơn một lần số tiền vốn gốc 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) mà bà đã nhận của bị đơn khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bị đơn bà Lê Bạch T, ông Nguyễn Hoàng T1, bà Nguyễn Thị Thanh T2, ông Nguyễn Hoàng T3 do ông Tô Duy A đại diện theo ủy quyền đồng ý nhận lại số tiền trên. Bà H và bị đơn không có yêu cầu nào khác. Xét thấy sự tự nguyện trả lại số tiền vốn gốc 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) đã nhận giữa bà Hoàng Thị Tuyết H và bị đơn do ông Tô Duy A đại diện theo ủy quyền không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận. Các đương sự không tranh chấp về số tiền lãi mà bà H đã nhận của bị đơn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.7] Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hoàng T1, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.8] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hoàng T1, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 2679/2022/DS-ST ngày 18/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn bà Lê Bạch T, ông Nguyễn Hoàng T1, bà Nguyễn Thị Thanh T2 và ông Nguyễn Hoàng T3 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.333.333 đồng (mười ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng) đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Nguyên đơn ông Đoàn Văn Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án dân sự sơ thẩm nên bị đơn ông Nguyễn Hoàng T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định

tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ông T1 được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 148, Điều 293, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng:

Các Điều 116, 117, 119, 357, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hoàng T1. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 2679/2022/DS-ST ngày 18/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn Đ.

Buộc bà Lê Bạch T, ông Nguyễn Hoàng T1, bà Nguyễn Thị Thanh T2 và ông Nguyễn Hoàng T3 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đoàn Văn Đ tổng số tiền nợ là 266.666.667 đồng (hai trăm sáu mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng), trong đó: nợ gốc là 150.000.000 đồng, nợ lãi là 116.666.667 đồng. Trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi ông Đoàn Văn Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Lê Bạch T, ông Nguyễn Hoàng T1, bà Nguyễn Thị Thanh T2 và ông Nguyễn Hoàng T3 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Hoàng Thị Tuyết H trả một lần cho bà Lê Bạch T, ông Nguyễn Hoàng T1, bà Nguyễn Thị Thanh T2, ông Nguyễn Hoàng T3 số tiền vốn gốc 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) mà bà H đã nhận khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Bạch T, ông Nguyễn Hoàng T1, bà Nguyễn Thị Thanh T2 và ông Nguyễn Hoàng T3 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.333.333 đồng (mười ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ông Đoàn Văn Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Nguyễn Hoàng T1 được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0028131 ngày 16/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Đương sự;
- Lưu (T18).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC
THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Trúc